

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỠ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/DS-ST**

Ngày 10/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thế Quế

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024 ngày 30 tháng 8 năm 2024 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vy Thị Hồng C**, sinh năm 1968.

Trú tại: K, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Vi Thị D**, sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, Bản tự khai và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Vy Thị Hồng C trình bày:

Ngày 27/7/2017, bà Vy Thị Hồng C cho bà Vi Thị D, sinh năm 1980 ở xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An vay số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), mục đích để bà D làm trang trại trồng cam. Giữa bà C và bà D có lập thành văn bản “Giấy vay tiền” ngày 27/7/2017, nội dung thỏa thuận “thời hạn vay 01 năm, lãi trả theo quý”. Tuy nhiên, từ thời gian vay đến nay đã hơn 7

năm nhưng bà Vi Thị D không thực hiện đúng cam kết. Dù bà C đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D cố tình không trả và viết giấy khất nợ nhiều lần.

Lần thứ nhất, ngày 19/5/2020, bà D viết giấy hẹn đến ngày 30/5/2020 sẽ trả cho bà C số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Tiền lãi tính từ ngày 25/12/2017 đến ngày 19/5/2020 tổng lãi là 35.853.000 đồng và tiền đảo khế (vay ngân hàng) bà D phải trả là 7.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 202.853.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng). Bà D hẹn đến ngày 30/5/2020 sẽ trả nhưng vẫn không thực hiện cam kết.

Lần thứ hai, ngày 22/5/2021, bà D có viết giấy vay tiền nội dung vay số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Số tiền lãi tính từ ngày 19/7/2017 đến ngày 22/5/2021 số tiền là: 71.110.949 đồng.

Lần thứ ba, ngày 23/3/2024, bà D viết giấy hẹn trả nợ cho bà Hồng C vào ngày 20/5/2024. Tuy nhiên, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồng C.

Sau nhiều lần đòi nợ, từ năm 2021 đến tháng 02 năm 2024 bà D trả được số tiền lãi 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) cho bà C.

Đến nay, bà Hồng C xác định bà Vi Thị D vẫn chưa thanh toán cho bà Hồng C số tiền đã nợ. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vi Thị D phải trả cho bà số tiền nợ gốc đã vay là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Về tiền lãi, giữa bà và bà D thoả thuận lãi trả theo quý nhưng không ghi rõ lãi bao nhiêu %, trong đơn khởi kiện bà C yêu cầu tính lãi 1,1%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 27/7/2017 đến ngày 06/9/2024. Tiền lãi tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 06/9/2024 là $10\%/năm \times 160.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ năm} = 112.000.000 \text{ đồng}$. Trong đó, trừ số tiền 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi bà D đã trả cho bà. Số tiền lãi bà D còn phải trả cho bà là 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bà C yêu cầu bà Vi Thị D trả là 236.200.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bị đơn bà Vi Thị D vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn bà D vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ngày 06/9/2024, bà Vi Thị D có mặt và trình bày: Bà D thừa nhận như bà Hồng C trình bày, vào ngày 27 tháng 7 năm 2017, bà D có vay số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) của bà Vy Thị Hồng C, sinh năm 1968, trú tại khối D, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bà Vi Thị D viết “Giấy vay tiền” ngày 27/7/2017, nội dung thoả thuận “thời hạn vay 01 năm, lãi trả theo quý” và viết các giấy khất nợ ngày 19/5/2020, ngày 22/5/2021, ngày 23/3/2024.

Nay bà Hồng C làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà phải trả cho bà Hồng C toàn bộ số tiền vay là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và yêu cầu tính lãi thì bà D không nhất trí. Vì bà D cho rằng từ năm 2021 đến khi bà Hồng C làm đơn khởi kiện bà đã trả được cho bà Hồng C số tiền 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng). Số tiền này, bà D xin được trả vào số tiền nợ gốc vì hiện tại bà D không có khả năng trả lãi. Nên bà Vi Thị D đồng ý trả cho bà Vy Thị Hồng C số nợ gốc (sau khi trừ số tiền đã trả cho bà C 35.800.000 đồng) còn lại là 124.200.000 đồng. Về tiền lãi vay, bà D thừa nhận khoản vay có thoả thuận về lãi, tuy nhiên hai bên không ghi rõ lãi bao nhiêu % nên bà D xin bà Hồng C không tính số tiền lãi đối với khoản vay này và bà không chấp nhận trả lãi đối với khoản vay.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Vy Thị Hồng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Vi Thị D vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 và Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2, Điều 5 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2029 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị Hồng C. Buộc bà Vi Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Vy Thị Hồng C số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Tiền lãi tính từ ngày 27/7/2017 đến nay (ngày 10/9/2024) là $10\% \times 160.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ năm} = 112.000.000 \text{ đồng}$. Trừ số tiền 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi bà D đã trả cho bà C. Số tiền lãi bà D còn phải trả là 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bà Vi Thị D phải trả cho bà Vy Thị Hồng C gồm gốc và lãi là 236.200.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Vi Thị D thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị miễn tiền án phí đối với bà Vi Thị D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và pháp luật áp dụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Vy Thị Hồng C khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc bà Vi Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Vi Thị D sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Q, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Vi Thị D nhưng bà D đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Vi Thị D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn bà Vy Thị Hồng C, bị đơn bà Vi Thị D có đủ cơ sở xác định:

Giữa nguyên đơn là bà Vy Thị Hồng C và bị đơn là bà Vi Thị D đều thống nhất vào ngày 27 tháng 7 năm 2017, bà Vi Thị D đã trực tiếp vay của bà Vy Thị Hồng C số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền hai bên lập thành văn bản “Giấy vay tiền” ngày 27/7/2017, do bà Vi Thị D viết. Nội dung hai bên thỏa thuận bà C cho bà D vay số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 01 năm, lãi trả theo quý, gốc đến hạn trả hết. Xét thấy, giao dịch vay tiền trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch hợp pháp. Các bên đều thừa nhận sự việc có thật nên xác định giao dịch vay tiền ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa bà Hồng C và bà D có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn bà Vi Thị D cho rằng cho đến khi bà Hồng C làm đơn khởi kiện bà đã trả được cho bà Hồng C số tiền khoảng 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng). Số tiền này, bà D xin được trừ vào số tiền nợ gốc vì hiện tại bà D không có khả năng trả lãi, bà C không đồng ý với yêu cầu của bà D. Ngoài ra, bà D không có tài liệu, chứng cứ gì về việc trả nợ gốc nên không có cơ sở chấp

nhận ý kiến của bị đơn. Như vậy, số nợ gốc bà Vi Thị D phải trả cho bà Vy Thị Hồng C là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Về tiền lãi vay, bà D thừa nhận khoản vay có thỏa thuận về lãi, tuy nhiên hai bên không ghi rõ lãi bao nhiêu % nên bà D xin bà Hồng C không tính số tiền lãi đối với khoản vay này, tuy nhiên bà Vy Thị Hồng C không đồng ý. Nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc không trả lãi cho bà Vy Thị Hồng C.

Bà Vy Thị Hồng C yêu cầu tính lãi từ ngày 27/7/2017 đến ngày 06/9/2024 là $10\%/năm \times 160.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ năm} = 112.000.000 \text{ đồng}$. Trừ số tiền 35.800.000 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi bà D đã trả cho bà C. Số tiền lãi bà D còn phải trả là 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Yêu cầu tính lãi 10%/năm của bà Vy Thị Hồng C phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tổng số tiền bà Vy Thị Hồng C yêu cầu bà Vi Thị D trả là 236.200.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Khi đến hạn thanh toán, bị đơn bà D không trả số tiền trên cho nguyên đơn bà Hồng C và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Vy Thị Hồng C là người khuyết tật có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên được miễn tiền tạm ứng án phí, bà Vi Thị D là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

- điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; - Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị Hồng C;
2. Buộc bà Vi Thị D trả cho bà Vy Thị Hồng C số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn). Tiền lãi 76.200.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bà Vi Thị D phải trả cho bà Vy Thị Hồng C gồm gốc và lãi là 236.200.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vi Thị D thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ thời điểm bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/9/2024. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Vinh Hương

Nguyễn Mạnh H1

quán vì T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quán Vi Tuấn